

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
Khoa Kinh tế & Kinh doanh Quốc tế

ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Phan Thị Vân
Điện thoại : 0986 161 181

Mục tiêu của môn học

- Khi kết thúc khóa học, học viên có thể
 - Có được những hiểu biết cơ bản về đầu tư nước ngoài
 - Hình dung được quy trình lập dự án đầu tư
 - Phân tích và đánh giá được hiệu quả tài chính của một dự án đầu tư
 - Nắm rõ các quy định về quản lý nhà nước đối với nhà đầu tư nước ngoài.
 - Áp dụng để làm công tác tín dụng, tư vấn luật đầu tư

Tài liệu

- Bài giảng trên lớp
- *Websites:* www.mpi.gov.vn
www.unctad.org
www.oecd.org
- Văn bản pháp luật:
 - [Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005](#)
 - [Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005](#)
 - Nghị định 108/2006/ND-CP ngày 22/9/2006

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

- Chương I: Tổng quan về đầu tư nước ngoài
- Chương II: Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài
- Chương III: Quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư nước ngoài

PHÂN BỐ THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

- Phân bổ thời gian
 - Lý thuyết: 25 tiết
 - Thảo luận, bài tập, kiểm tra học trình: 20 tiết
- Phương pháp đánh giá kết quả:
 - Điểm chuyên cần (điểm danh): 10%
 - Kiểm tra giữa kỳ (Viết): 30%
 - Thi hết môn (trắc nghiệm): 60%

LIÊN HỆ

- Cô Phan Thị Vân
- Khoa Kinh tế và Kinh doanh quốc tế
- Trường Đại học Ngoại thương
- Điện thoại: 0986 161 181

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
Khoa Kinh tế & Kinh doanh Quốc tế

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Phan Thị Vân
Điện thoại : 0986 161 181

NỘI DUNG

- I. KHÁI NIỆM CHUNG
- II. PHÂN LOẠI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
- III. FDI
- IV. ODA

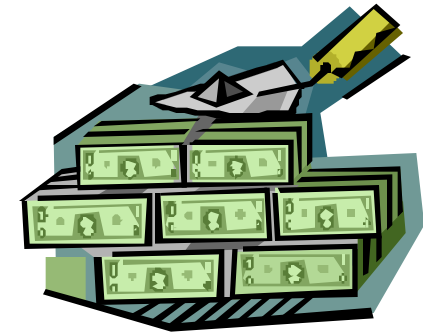
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
Khoa Kinh tế & Kinh doanh Quốc tế

I. KHÁI NIỆM CHUNG

Phan Thị Vân
Điện thoại : 0986 161 181

I. Khái niệm chung

- 1. Đầu tư
- a/ Định nghĩa: *Đầu tư là việc sử dụng vốn vào một hoạt động nhất định nhằm thu lợi nhuận và/hoặc lợi ích kinh tế xã hội.*
 - Phân tích định nghĩa:
 - Vốn
 - Hoạt động nhất định
 - Lợi nhuận/lợi ích kinh tế xã hội
- b/ Đặc điểm:
 - Có sử dụng vốn
 - Có tính sinh lợi
 - Có tính mạo hiểm



Có nhiều khái niệm về đầu tư tùy mục đích, góc độ nhìn nhận. Theo Samuelson và Nordhaus ***đầu tư là sự hy sinh tiêu dùng hiện tại nhằm tăng tiêu dùng trong tương lai***. Theo từ điển Wikipedia, đầu tư theo cách hiểu chung nhất là việc ***tích lũy một số tài sản với mong muốn trong tương lai có được thu nhập từ các tài sản đó***. Theo từ điển Econterms, ***đầu tư là việc sử dụng các nguồn lực với mong muốn tăng năng lực sản xuất hoặc tăng thu nhập trong tương lai***.

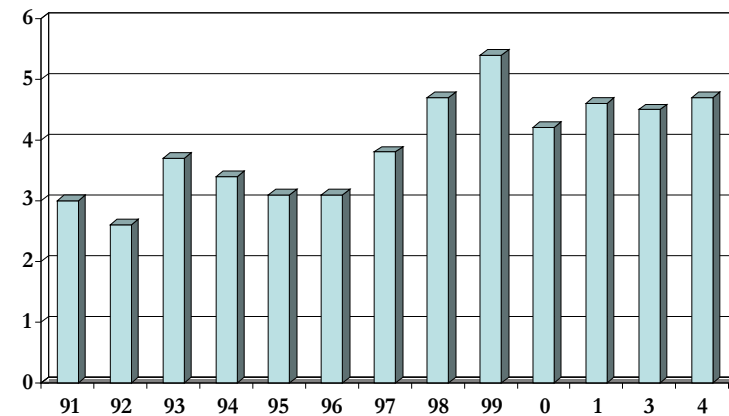
- + Vốn: là các nguồn lực (resources) có thể được huy động và sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thu lại lợi ích cho chủ đầu tư.
- + Vốn đầu tư có thể tồn tại dưới mấy hình thái? Có 2 cách phân chia

Tồn tại dưới 3 hình thái: Tài sản hữu hình (nhà xưởng, máy móc, thiết bị, hàng hoá, nguyên vật liệu v.v...), tài sản vô hình (bằng phát minh, sáng chế, bí quyết kỹ thuật, bí quyết kinh doanh, nhãn hiệu, quyền sử dụng đất...), tài sản tài chính (tiền, các giấy tờ có giá khác...);

- Tồn tại dưới 2 hình thái: *Tài sản thực*: Tài sản được sử dụng để sản xuất hàng hoá và dịch vụ, tạo ra của cải vật chất cho xã hội. VD: Đất đai, nhà cửa, máy móc, kiến trúc...;
- Tài sản tài chính*: Quyền lợi đối với tài sản thực hay thu nhập do tài sản thực tạo ra. Phân bổ của cải hay thu nhập giữa các nhà đầu tư. VD: Cổ phiếu, trái phiếu, tiền...
- + Vốn cần được quy về cùng một đơn vị tiền tệ nhất định
 - + Lợi nhuận là chênh lệch giữa thu nhập mà hoạt động đầu tư đem lại cho chủ đầu tư với chi phí mà chủ đầu tư phải bỏ ra để tiến hành hoạt động đầu tư đó.
 - + Lợi ích kinh tế xã hội là chênh lệch giữa những gì mà xã hội thu được với những gì mà xã hội mất đi từ hoạt động đầu tư. Lợi ích kinh tế xã hội được đánh giá qua các chỉ tiêu định tính và các chỉ tiêu định lượng. *Ví dụ: việc xây dựng cầu Thanh Trì mang lại lợi ích kinh tế xã hội*
 - + Thông thường, tư nhân và doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu lợi nhuận; còn chính phủ theo đuổi mục tiêu lợi ích kinh tế xã hội.

1. Đầu tư

- ***c/Một vài chỉ tiêu cơ bản đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư***
 - ***Đối với một dự án: ROI***
 - ***Đối với một quốc gia: ICOR***

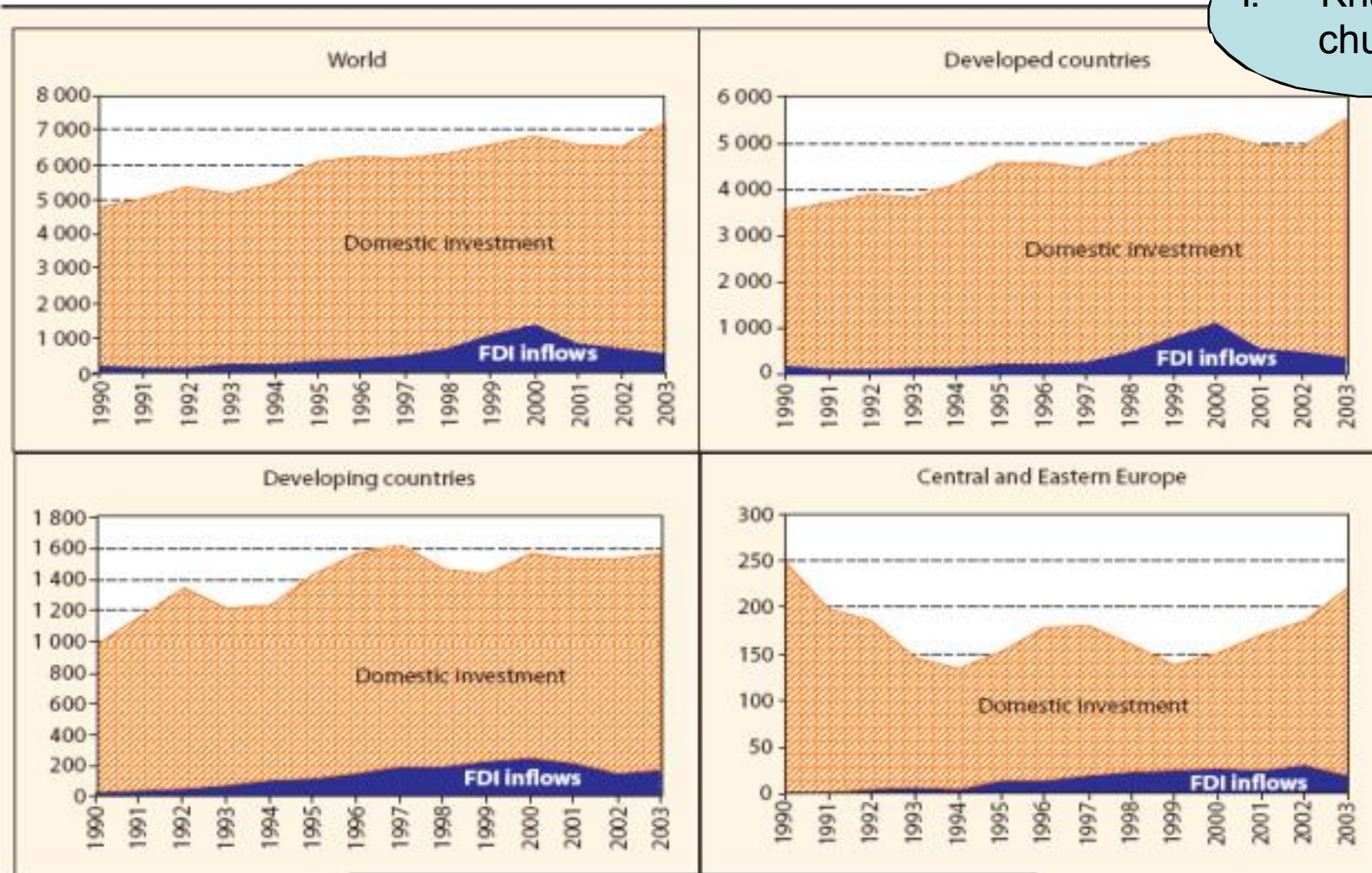


d/ Phân loại đầu tư

- Theo lĩnh vực đầu tư: đầu tư vào sản xuất, đầu tư vào thương mại và dịch vụ
- Theo quyền kiểm soát: Đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp
- Theo chủ đầu tư: Đầu tư tư nhân, đầu tư chính thức (của chính phủ)
- Theo thời gian: Đầu tư ngắn hạn, trung hạn, dài hạn
- Theo nguồn vốn: Đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài

Figure 1.2. FDI flows and gross fixed capital formation, by group of countries,^a 1990-2003
(Billions of dollars)

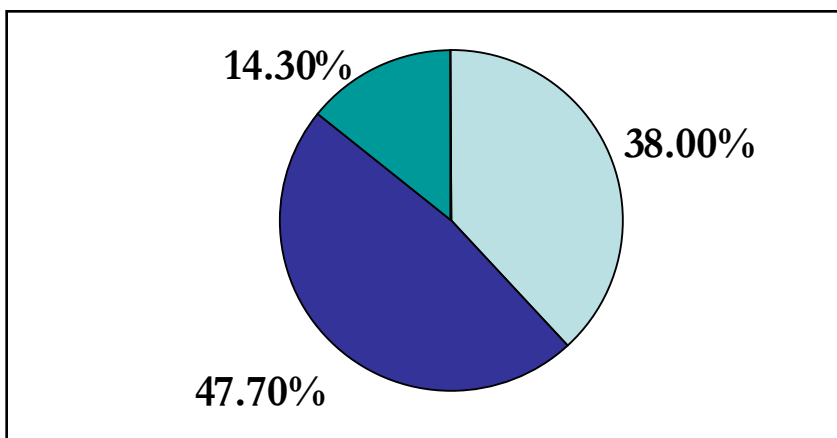
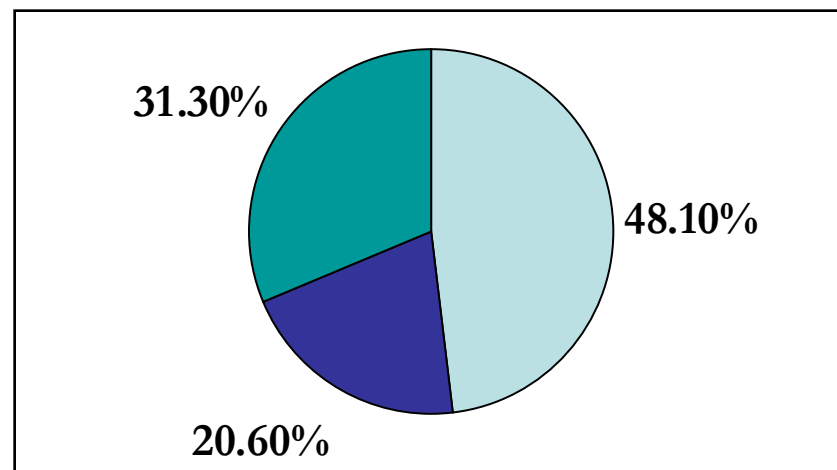
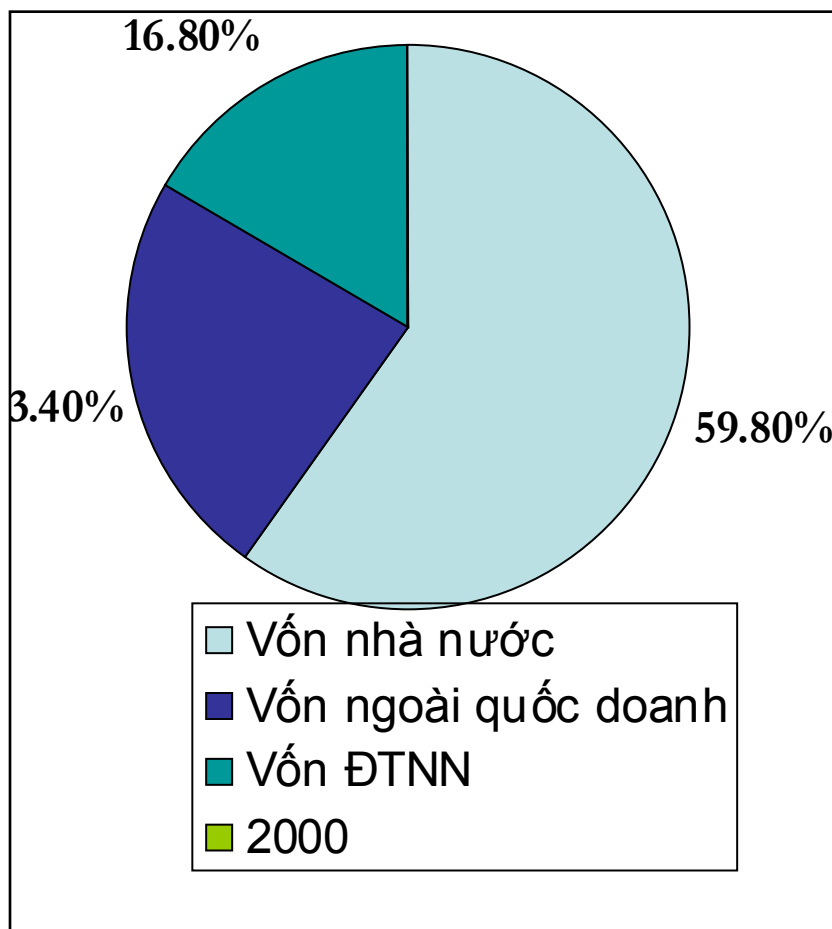
I. Khái niệm chung



Source: UNCTAD, FDI/TNC database (www.unctad.org/fdistatistics).

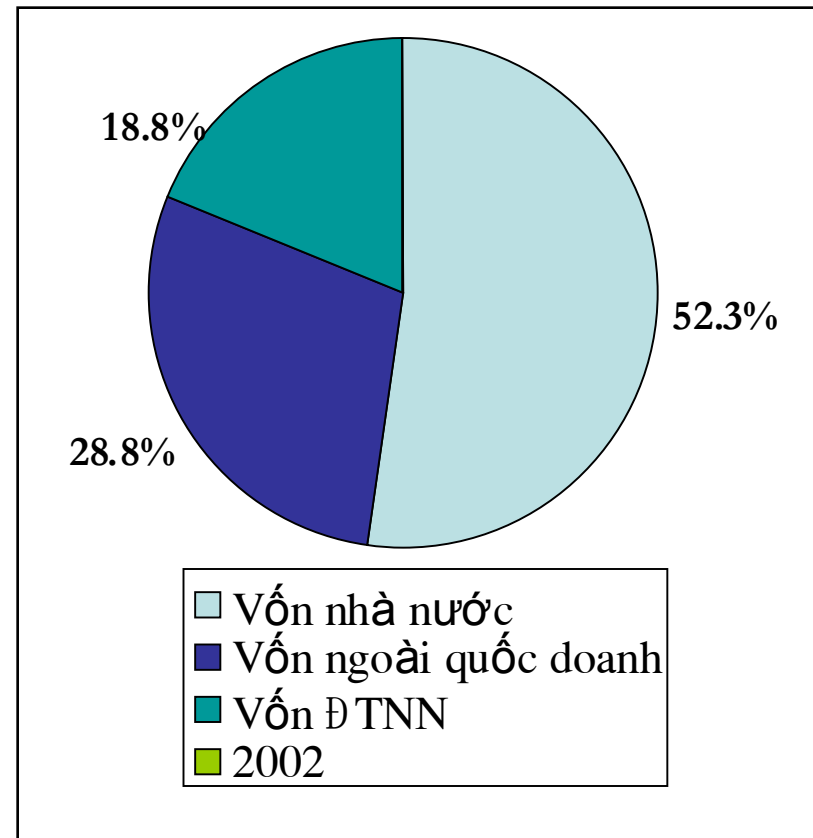
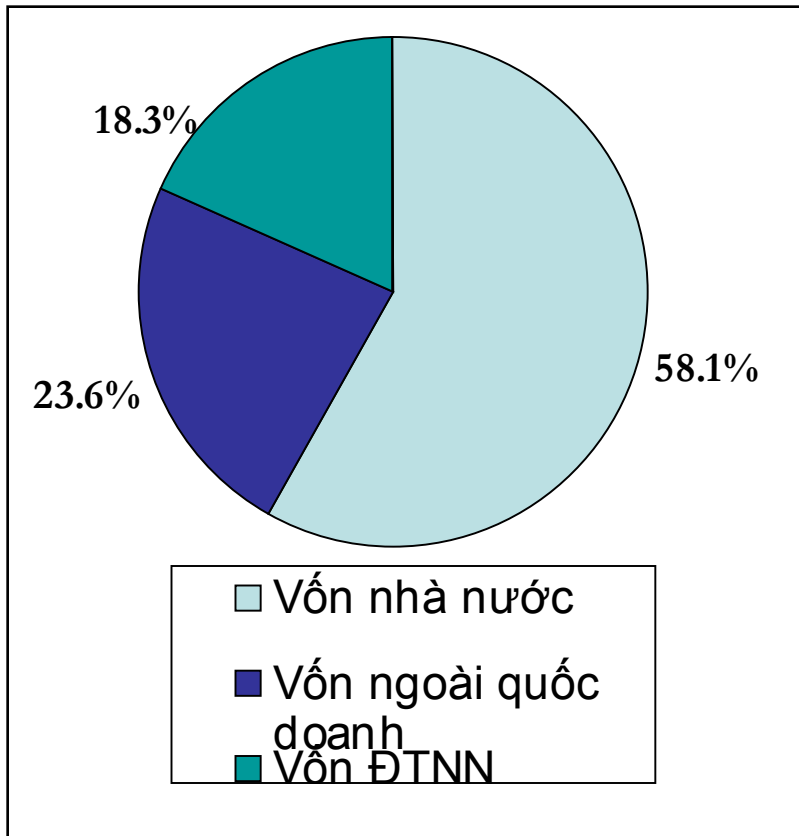
^a Domestic investment is defined as the difference between gross fixed capital formation and FDI Inflows.

Cơ cấu các nguồn vốn trong tổng đầu tư xã hội của Việt nam (2000, 1997.1991)

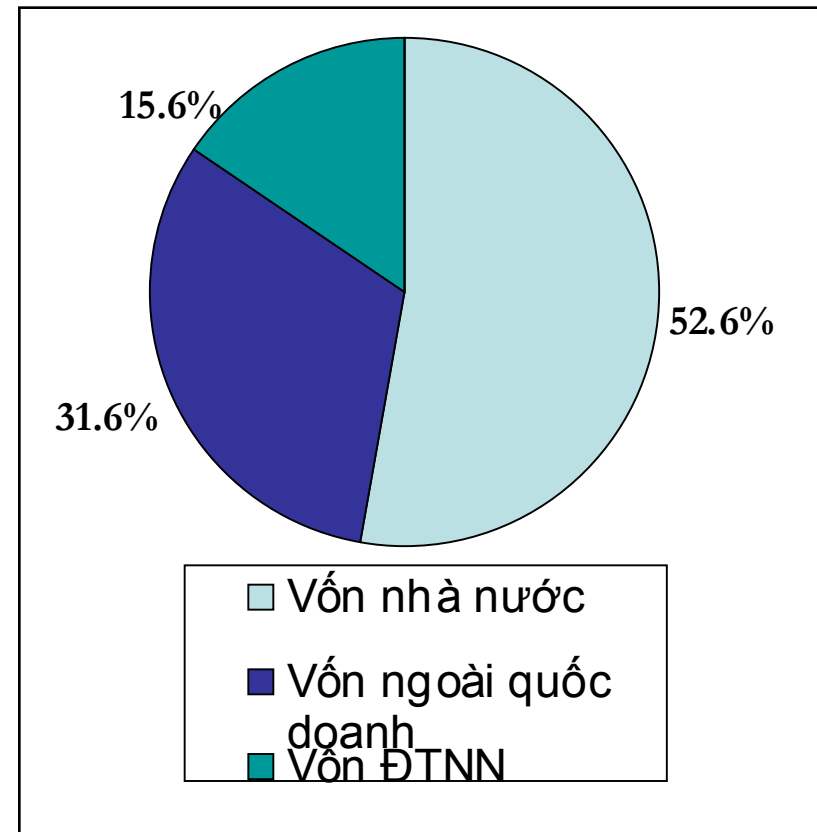
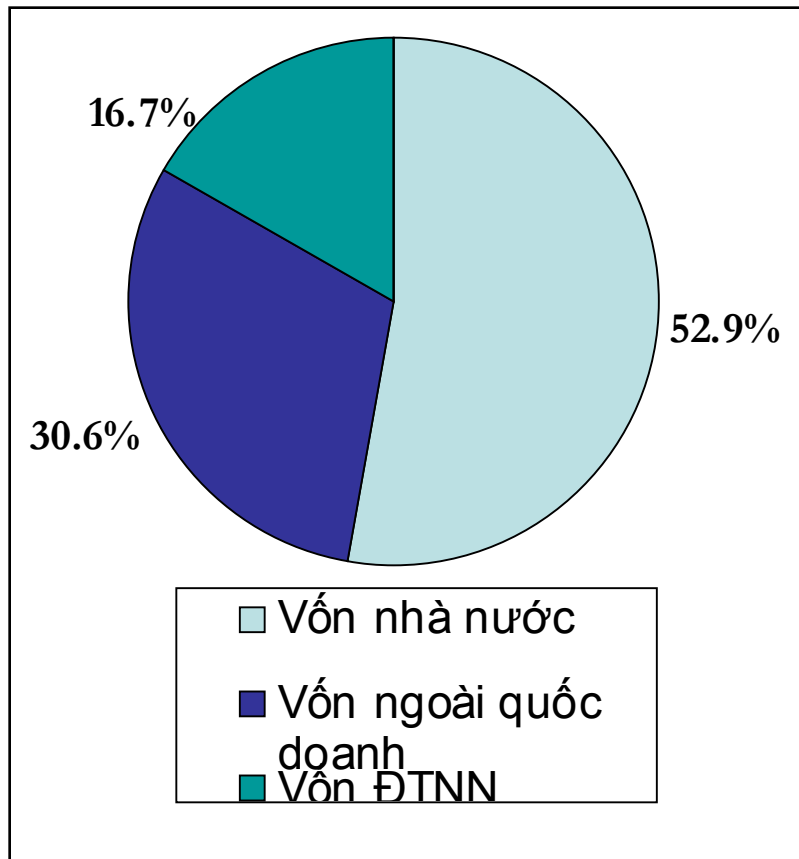


Cơ cấu các nguồn vốn trong tổng đầu tư xã hội của Việt nam (2001, 2002)

I. Khái niệm chung



Cơ cấu các nguồn vốn trong tổng đầu tư xã hội của Việt nam (2003, 2004)



1.2. Đầu tư quốc tế, đầu tư nước ngoài

I. Khái niệm chung

- a/ Quá trình hình thành và phát triển
- b/ Khái niệm
 - *Đầu tư nước ngoài là việc các nhà đầu tư của một nước (pháp nhân hoặc cá nhân) đưa vốn hoặc bất kỳ hình thức giá trị nào khác sang một nước khác để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc các hoạt động khác nhằm thu lợi nhuận hoặc đạt các hiệu quả xã hội.*
- c/ Đặc điểm